

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN AN PHÁT HOLDINGS
Lô CN 11+CN12 Cụm CN An Đông, TT.Nam Sách, H.Nam Sách, T.Hải Dương
MST: 0801210129

✪✪

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Quý I năm 2022

Báo cáo tài chính gồm có:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

HẢI DƯƠNG 2022



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/03/2022	01/01/2022
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		744,159,110,361	464,778,753,097
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	4.1	142,127,378,850	86,417,051,039
1. Tiền		111		114,127,306,350	26,417,051,039
2. Các khoản tương đương tiền		112		28,000,072,500	60,000,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh		121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		600,069,030,537	370,394,443,908
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131		63,450,044,927	144,728,760,641
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		132		17,928,835,040	45,813,729,972
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		135		465,600,000,000	141,175,000,000
6. Các khoản phải thu khác		136	4.2	53,090,150,570	38,676,953,295
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý		139		-	-
IV. Hàng tồn kho		140		877,385,899	6,684,243,633
1. Hàng tồn kho		141	4.3	877,385,899	6,684,243,633
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		1,085,315,075	1,283,014,517
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151		1,082,811,595	1,283,014,517
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		2,503,480	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ		154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		155		-	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		2,802,052,299,182	3,133,093,079,699
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		7,343,866,716	13,843,866,716
1. Phải thu dài hạn của khách hàng		211		6,477,726,358	12,977,726,358
2. Trả trước cho người bán dài hạn		212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc		213		-	-
4. Phải thu dài hạn nội bộ		214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn		215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác		216	4.2	866,140,358	866,140,358
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		219		-	-
II. Tài sản cố định		220		2,735,985,073	2,911,754,572
1. Tài sản cố định hữu hình		221	4.4	2,440,347,779	2,591,892,059
Nguyên giá		222		4,099,129,547	4,099,129,547
Giá trị hao mòn lũy kế		223		(1,658,781,768)	(1,507,237,488)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN AN PHÁT HOLDINGS

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng
Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

Mẫu số B01a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	4.5	295,637,294	319,862,513
	<i>Nguyên giá</i>	228		456,372,200	456,372,200
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(160,734,906)	(136,509,687)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		90,000,000	90,000,000
1	Chi phí sản xuất kinh doanh dài hạn	241		-	-
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		90,000,000	90,000,000
V.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	4.7	2,790,767,571,455	3,115,105,346,601
1.	Đầu tư vào công ty con	251		2,790,767,571,455	3,115,105,346,601
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		1,114,875,938	1,142,111,810
1	Chi phí trả trước dài hạn	261		1,114,875,938	1,142,111,810
2	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3	Thiết bị vật tư phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3,546,211,409,543	3,597,871,832,796
A -	NỢ PHẢI TRẢ	300		675,549,209,028	804,760,472,436
I.	Nợ ngắn hạn	310		110,627,323,781	160,119,283,910
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311		618,785,291	2,071,225,069
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1,719,967,772	5,480,551,670
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		9,388,293,814	2,088,738,480
4	Phải trả người lao động	314		1,744,264,200	1,643,258,702
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315		13,057,424,650	27,207,395,977
6	Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	4.6	1,189,881,956	1,316,249,940
10	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.8	82,908,706,098	120,311,864,072
11	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12	Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		-	-
13	Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14	Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		564,921,885,247	644,641,188,526
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2	Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3	Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4	Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5	Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6	Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7	Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.8	564,921,885,247	644,641,188,526

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN AN PHÁT HOLDINGS

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng

Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

Mẫu số B01a-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

9	Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10	Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12	Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
B -	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2,870,662,200,515	2,793,111,360,360
I.	Vốn chủ sở hữu	410	4.9	2,870,662,200,515	2,793,111,360,360
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		2,511,991,480,000	2,024,223,220,000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2,438,842,680,000	1,951,074,420,000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		73,148,800,000	73,148,800,000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		169,232,179,100	657,000,439,100
3	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4	Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5	Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8	Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		189,438,541,415	111,887,701,260
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		111,887,701,260	47,567,217,614
	- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		77,550,840,155	64,320,483,646
12	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1	Nguồn kinh phí	431		-	-
2	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3,546,211,409,543	3,597,871,832,796

Người lập

Kế toán trưởng

Hải Dương, ngày 28 tháng 04 năm 2022

Phó Tổng Giám đốc



Hồ Thị Hòe



Hồ Thị Hòe



Phạm Đỗ Huy Cường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Quý I năm 2022

MÃ SỐ	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý I/2022	Quý I/2021	Đơn vị tính: VND	
					Từ ngày 1/1/2022 đến 31/3/2022	Từ ngày 1/1/2021 đến 31/3/2021
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.1	48,949,366,302	7,012,574,296	48,949,366,302	7,012,574,296
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		48,949,366,302	7,012,574,296	48,949,366,302	7,012,574,296
4.	Giá vốn hàng bán	5.2	45,052,728,049	3,361,468,437	45,052,728,049	3,361,468,437
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		3,896,638,253	3,651,105,859	3,896,638,253	3,651,105,859
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	5.3	134,511,356,776	18,877,091,869	134,511,356,776	18,877,091,869
7.	Chi phí tài chính	5.4	39,738,607,556	12,926,520,662	39,738,607,556	12,926,520,662
	<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>		15,734,109,989	12,485,596,158	15,734,109,989	12,485,596,158
9.	Chi phí bán hàng		16,321,241	14,160,000	16,321,241	14,160,000
10.	Chi phí quản lý doanh nghiệp		10,509,333,154	9,435,889,144	10,509,333,154	9,435,889,144
11.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		88,143,733,078	151,627,922	88,143,733,078	151,627,922
12.	Thu nhập khác		150,566,169	4,320,151	150,566,169	4,320,151
13.	Chi phí khác		-	-	-	-
14.	Lợi nhuận khác		150,566,169	4,320,151	150,566,169	4,320,151
15.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		88,294,299,247	155,948,073	88,294,299,247	155,948,073
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		9,376,884,685	-	9,376,884,685	-
17.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-	-	-
18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		78,917,414,562	155,948,073	78,917,414,562	155,948,073

Hải Dương, ngày 28 tháng 04 năm 2022

Người lập



Hồ Thị Hòa

Kế toán trưởng



Hồ Thị Hòa

Phó Tổng Giám đốc




CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN AN PHÁT HOLDINGS

MST: 0312000000

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2022 đến ngày 31/03/2022

Đơn vị tính: VND

SO TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 31/03/2022	Từ 01/01/2021 đến 31/03/2021
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		88,294,299,247	155,948,073
2.	Điều chỉnh cho các khoản:				
-	Khấu hao tài sản cố định	02		175,769,499	131,697,298
-	Các khoản dự phòng	03		-	-
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(111,603,300,149)	(18,849,430,021)
-	Chi phí lãi vay	06		17,071,609,988	12,918,929,490
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		(6,061,621,415)	(5,642,855,160)
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		35,533,708,324	(1,308,167,509)
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5,806,857,734	(2,361,134,228)
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(7,846,252,672)	33,222,749,851
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		227,438,794	(405,076,894)
-	Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(29,307,479,851)	(19,680,881,773)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
	LCT thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(1,647,349,086)	3,824,634,287
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và TSDH khác	21		(231,600,000)	(438,250,000)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của ĐV khác	23		(448,800,000,000)	(11,000,000,000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của ĐV khác	24		124,375,000,000	-
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(14,000,000,000)	(9,311,274,852)
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		513,692,907,059	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2,193,969,803	762,557,956
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		177,230,276,862	(19,986,966,896)
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành CP, nhận góp vốn của CSH	31		-	(32,000,000)
2.	Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		18,913,230,475	58,801,742,268
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(137,373,191,727)	(132,756,662,595)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1,412,638,713)	(1,868,628,068)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(119,872,599,965)	(75,855,548,395)
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		55,710,327,811	(92,017,881,004)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		86,417,051,039	93,876,841,515
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái QĐ ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		142,127,378,850	1,858,960,511

Hải Dương, ngày 28 tháng 04 năm 2022

Người lập

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc


Hồ Thị Hòa


Hồ Thị Hòa


Phạm Đỗ Huy Cường

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I NĂM 2022**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0801210129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 31 tháng 03 năm 2017. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 01 tháng 03 năm 2022.

Vào ngày 14 tháng 07 năm 2020, Công ty đã chính thức được chấp thuận niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là APH.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam. Công ty có văn phòng đại diện có địa chỉ tại Tầng 17, Tòa nhà PV Oil, số 148 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022, Công ty có 16 công ty con (31 tháng 12 năm 2021: 16 công ty con) với thông tin cụ thể như sau:

STT	Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	48.70	48.70	Mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa
2	Công ty Cổ phần An Tiến Industries (*)	Khu công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	24.60	50.51	Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic, chi tiết sản xuất sản phẩm nhựa
3	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát (*)	Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	44.82	92.02	Phát triển hạ tầng khu công nghiệp
4	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1 (*)	Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	22.86	51	Phát triển và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp
5	An Thanh Bicsol Singapore PTE. Ltd (*)	Số 8, Temasek Boulevard # 44-00 Suntec Tower Three, Singapore	24.60	100	Bán buôn chuyên doanh hạt nhựa PP, PE, PS, PVS, ABS...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

STT	Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ		Hoạt động chính
			Lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	
6	Công ty Cổ phần An Thành Biscol (*)	Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	31.70	99.37	Kinh doanh hạt nhựa
7	Công ty Cổ phần Liên vận An Tín (*)	Số 64.22 đường Phạm Hùng, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	24.35	99	Vận tải hàng hóa
8	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	Tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Hà Nội	43.82	66.75	Sản xuất linh kiện, phụ kiện nhựa ngành ô tô, xe máy, linh kiện nhựa điện tử
9	Công ty TNHH An Trung Industries (*)	Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	43.82	100	Sản xuất hạt nhựa, các sản phẩm nhựa
10	Công ty TNHH Phát triển Xuất nhập khẩu và Đầu tư – VIEXIM (*)	Thôn Hào, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	43.82	100	Sản xuất linh kiện, phụ kiện nhựa ngành ô tô, xe máy, linh kiện nhựa điện tử
11	Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và Chế tạo khuôn mẫu Việt Nam (*)	Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	43.82	100	Sản xuất sản phẩm gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại.
12	Công ty Cổ phần Nhựa bao bì An Vinh (*)	Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	48.48	98.26	Sản xuất sản phẩm nhựa bao bì từ sợi PE, PP
13	Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng công nghệ cao An Cường (*)	Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, km 47, quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	44.23	99.95	Sản xuất vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (TIẾP THEO)

STT	Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ		Hoạt động chính
			lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	
14	Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát	Lô CN5-04 Khu Phi thuế quan và Khu Công nghiệp Nam Đình Vũ thuộc Khu Kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, Phường Đông Hải 2, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	92.31	92.31	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh
15	An Phat International INC (*)	10701 Corporate Drive, Suite 268, Stafford, Texas 77477, USA	48.70	99.99	Đầu tư, kinh doanh các sản phẩm màng mỏng và các sản phẩm nhựa khác
16	AFC EcoPlastics LLC (*)	PO Box 1831 Austin, Texas 78767, USA	36.53	75	Kinh doanh hạt nhựa

(*) Công ty sở hữu các công ty con này gián tiếp qua công ty con khác, theo đó, tỷ lệ lợi ích trong các công ty con này khác với tỷ lệ biểu quyết.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư 96/2020/TT-BTC – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chứng từ.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản tiền gửi ngắn hạn có thời hạn gốc bằng hoặc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- | | |
|---|---|
| Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa | - Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. |
| Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | - Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền. |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất v.v...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.7 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

	<i>Thời gian khấu hao</i>
Nhà cửa, vật kiến trúc	8 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8 năm
Trang thiết bị văn phòng	5 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 6 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng:

- ▶ Chi phí thuê đất;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn; và
- ▶ Các chi phí khác.

3.10 Các khoản đầu tư*Đầu tư vào công ty con*

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên doanh

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên doanh sau ngày Công ty có quyền đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.14 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.15 Thuế*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**3.15 Thuế (tiếp theo)***Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào công ty con, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/03/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	242,177,694	411,777,694
Tiền gửi ngân hàng	113,885,128,656	26,005,273,345
Các khoản tương đương tiền	28,000,072,500	60,000,000,000
Cộng	142,127,378,850	86,417,051,039

4.2. Phải thu khác

	31/03/2022	01/01/2022
	VND	VND
a. Phải thu khác ngắn hạn		
Tạm ứng	19,219,378,190	11,004,343,513
Ký cược ký quỹ	3,368,343,327	3,368,343,327
Lãi dự thu	13,178,395,616	7,309,807,396
Phải thu khác	17,324,033,437	16,994,459,059
Cộng	53,090,150,570	38,676,953,295
b. Phải thu khác dài hạn		
Ký cược ký quỹ	866,140,358	866,140,358
Cộng	866,140,358	866,140,358

4.3. Hàng tồn kho

	31/03/2022	01/01/2022
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	16,574,110	6,145,351,830
Nguyên liệu vật liệu	513,303,563	513,163,464
Công cụ dụng cụ	114,357,175	23,093,539
Chi phí SXKD dở dang	233,151,051	2,634,800
Cộng	877,385,899	6,684,243,633

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4.4. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2022	118,500,000	481,000,000	1,794,420,000	1,705,209,547	4,099,129,547
Tại ngày 31/03/2022	118,500,000	481,000,000	1,794,420,000	1,705,209,547	4,099,129,547
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2022	65,302,419	53,670,699	787,733,127	600,531,243	1,507,237,488
Khấu hao trong kỳ	3,703,125	15,604,167	56,031,102	76,205,886	151,544,280
Tại ngày 31/03/2022	69,005,544	69,274,866	843,764,229	676,737,129	1,658,781,768
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2022	53,197,581	427,329,301	1,006,686,873	1,104,678,304	2,591,892,059
Tại ngày 31/03/2022	49,494,456	411,725,134	950,655,771	1,028,472,418	2,440,347,779

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4.5. Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày 01/01/2022	456,372,200	456,372,200
Tại ngày 31/03/2022	456,372,200	456,372,200
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày 01/01/2022	136,509,687	136,509,687
Khấu hao trong kỳ	24,225,219	24,225,219
Tại ngày 31/03/2022	160,734,906	160,734,906
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2022	319,862,513	319,862,513
Tại ngày 31/03/2022	295,637,294	295,637,294

4.6. Phải trả ngắn hạn khác

	31/03/2022 VND	01/01/2022 VND
Kinh phí công đoàn	266,117,697	240,923,497
Cổ tức phải trả	772,031,960	818,096,266
Phải trả phải nộp khác	151,732,299	257,230,177
Cộng	1,189,881,956	1,316,249,940

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN AN PHÁT HOLDINGS

Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng,

Thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương

MÃU SỐ B 09A – DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****4.7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	31/03/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư công ty con	2,790,767,571,455	-	3,115,105,346,601	-
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	2,441,328,548,818	-	2,544,121,436,339	-
Công ty Cổ phần Nhựa bao bì An Vinh	5,225,900,000	-	5,225,900,000	-
Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	222,713,122,637	-	458,258,010,262	-
Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát	120,000,000,000	-	106,000,000,000	-
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Công nghệ cao An Cường	1,500,000,000	-	1,500,000,000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4.8. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn, dài hạn

	01/01/2022	Giảm trong kỳ	Tăng trong kỳ	31/03/2022
Vay ngắn hạn				
Vay ngân hàng	68,311,864,072	56,316,388,449	18,913,230,475	30,908,706,098
Vay tổ chức khác	2,000,000,000	-	-	2,000,000,000
Trái phiếu phát hành đến hạn trả	50,000,000,000	-	-	50,000,000,000
TỔNG CỘNG	120,311,864,072	56,316,388,449	18,913,230,475	82,908,706,098
Vay dài hạn				
Vay ngân hàng	378,688,534	56,803,278	-	321,885,256
Trái phiếu phát hành	644,262,499,992	81,000,000,000	1,337,499,999	564,599,999,991
TỔNG CỘNG	644,641,188,526	81,056,803,278	1,337,499,999	564,921,885,247

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4.9. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2021	1,466,773,390,000	657,285,989,100	47,567,217,614	2,171,626,596,714
Tăng vốn trong năm	557,449,830,000	(285,550,000)	-	557,164,280,000
Lãi trong năm	-	-	69,964,770,934	69,964,770,934
Chi trả cổ tức	-	-	(5,644,287,288)	(5,644,287,288)
Tại ngày 31/12/2021	2,024,223,220,000	657,000,439,100	111,887,701,260	2,793,111,360,360
Tăng vốn trong kỳ	487,768,260,000	(487,768,260,000)	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	78,917,414,562	78,917,414,562
Chi trả cổ tức	-	-	(1,366,574,407)	(1,366,574,407)
Tại ngày 31/03/2022	2,511,991,480,000	169,232,179,100	189,438,541,415	2,870,662,200,515

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

5.1 Doanh thu bán hàng

	Quý I năm 2022	Quý I năm 2021	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý I/2022	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý I/2021
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	48,949,366,302	3,418,448,695	48,949,366,302	3,418,448,695
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	3,594,125,601	-	3,594,125,601
Cộng	48,949,366,302	7,012,574,296	48,949,366,302	7,012,574,296

5.2 Giá vốn hàng bán

	Quý I năm 2022	Quý I năm 2021	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý I/2022	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý I/2021
	VND	VND	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	45,052,728,049	3,361,468,437	45,052,728,049	3,361,468,437
Cộng	45,052,728,049	3,361,468,437	45,052,728,049	3,361,468,437

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH (TIẾP THEO)

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý I năm 2022	Quý I năm 2021	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý I/2022	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý I/2021
	VND	VND	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8,062,558,023	679,177,956	8,062,558,023	679,177,956
Lãi chênh lệch tỷ giá	558,076,165	27,661,848	558,076,165	27,661,848
Lãi chuyển nhượng vốn	125,705,112,375	-	125,705,112,375	-
Cổ tức được chia	-	17,984,641,852	-	17,984,641,852
Thu nhập các hoạt động đầu tư khác	185,610,213	185,610,213	185,610,213	185,610,213
Cộng	134,511,356,776	18,877,091,869	134,511,356,776	18,877,091,869

5.4 Chi phí tài chính

	Quý I năm 2022	Quý I năm 2021	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý I/2022	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý I/2021
	VND	VND	VND	VND
Lãi tiền vay	15,734,109,989	12,485,596,158	15,734,109,989	12,485,596,158
Chi phí phát hành trái phiếu	1,337,499,999	433,333,332	1,337,499,999	433,333,332
Lỗ chênh lệch tỷ giá	317,017,106	7,591,172	317,017,106	7,591,172
Lỗ và phí chuyển nhượng vốn	22,349,980,462	-	22,349,980,462	-
Cộng	39,738,607,556	12,926,520,662	39,738,607,556	12,926,520,662

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

6. CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Danh mục các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	Công ty con
Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	Công ty con
Công ty Cổ phần An Tiến Industries	Công ty con
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol	Công ty con
Công ty Cổ phần Liên Vận An Tín	Công ty con
Công ty Cổ phần Nhựa bao bì An Vinh	Công ty con
Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng công nghệ cao An Cường	Công ty con
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát 1	Công ty con
Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát	Công ty con
An Thanh Bicsol Singapore PTE.,Ltd	Công ty con
Công ty Cổ phần Khu công nghiệp kỹ thuật cao An Phát	Công ty con
Công ty TNHH An Trung Industries	Công ty con
Công ty TNHH Phát triển Xuất nhập khẩu và Đầu tư VIEXIM	Công ty con
Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và Khuôn mẫu Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Nhựa bao bì Vinh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần sản xuất tổng hợp Sunrise Việt Nam	Công ty liên kết của công ty con
Công ty Cổ phần dịch vụ xăng dầu An Đông	Công ty liên kết của công ty con
Công ty TNHH Linh kiện nhựa ô tô Vinfast – An Phát	Công ty liên kết của công ty con (đến 30/06/2021)
An Phat International INC	Công ty con (từ tháng 4/2021)
AFC EcoPlastics LCC	Công ty con (từ tháng 4/2021)
Công ty Cổ phần Anbio	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt
AnKor Bioplastics	Công ty có cùng lãnh đạo chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

6. CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Giao dịch với các bên liên quan

	Quý 1/2022 VND	Quý 1/2021 VND
Doanh Thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	16,129,518,676	3,418,448,695
An Phat International, Inc.	11,108,641,876	-
Ankor Bioplastics Co.Ltd	5,020,876,800	-
Công ty Cổ phần VLXD công nghệ cao An Cường	-	3,418,448,695
Mua hàng hóa dịch vụ	362,338,601	360,523,636
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	296,008,028	346,363,636
An Phat International, Inc.	66,330,573	-
Công ty Cổ phần Liên Vận An Tín	-	14,160,000
Cổ tức	-	17,984,641,852
Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội	-	17,984,641,852
Lãi cho vay	2,331,344,384	-
Công ty Cổ phần KCN Kỹ thuật cao An Phát	1,834,575,342	-
Công ty Cổ phần VLXD công nghệ cao An Cường	128,219,178	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và Chế tạo khuôn mẫu Việt Nam	59,424,658	-
Công ty TNHH An Trung Industries	55,215,616	-
Công ty Cổ phần Anbio	253,909,590	-
Chi phí tài chính	-	1,947,628,834
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol	-	397,289,794
Công ty Cổ phần KCN Kỹ thuật cao An Phát 1	-	1,550,339,040
Chi cho vay	263,000,000,000	-
Công ty Cổ phần KCN Kỹ thuật cao An Phát	194,000,000,000	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và Chế tạo khuôn mẫu Việt Nam	9,000,000,000	-
Công ty Cổ phần VLXD công nghệ cao An Cường	60,000,000,000	-
Nhận lại tiền cho vay	311,375,000,000	-
Công ty Cổ phần Anbio	45,950,000,000	-
Công ty Cổ phần KCN Kỹ thuật cao An Phát	194,000,000,000	-
Công ty TNHH An Trung Industries	11,425,000,000	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và Chế tạo khuôn mẫu Việt Nam	-	-
Công ty Cổ phần VLXD công nghệ cao An Cường	60,000,000,000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

6. CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Giao dịch với các bên liên quan (Tiếp theo)

	Quý 1/2022 VND	Quý 1/2021 VND
Nhận tiền vay	-	19,500,000,000
Công ty Cổ phần KCN Kỹ thuật cao An Phát 1	-	11,900,000,000
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol	-	1,600,000,000
Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và Chế tạo khuôn mẫu Việt Nam	-	3,000,000,000
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp Sunrise Việt Nam	-	3,000,000,000
Trả tiền vay	-	122,005,000,000
Công ty Cổ phần KCN Kỹ thuật cao An Phát 1	-	86,550,000,000
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol	-	33,455,000,000
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp Sunrise Việt Nam	-	2,000,000,000

Số dư với các bên liên quan

	31/03/2022 VND	01/01/2022 VND
Phải thu hàng hóa dịch vụ	34,704,561,539	56,177,519,742
An Phat International, Inc.	18,046,186,200	17,540,021,203
Ankor Bioplastics Co.Ltd	5,020,876,800	-
Công ty Cổ phần An Thành Bicsol	5,159,772,181	25,659,772,181
Công ty Cổ phần VLXD công nghệ cao An Cường	6,477,726,358	12,977,726,358
Trả trước cho người bán	11,006,320,000	16,400,670,000
An Thanh Bicsol Singapore PTE.,Ltd	-	10,704,420,000
Ankor Bioplastics Co.Ltd	11,006,320,000	5,696,250,000
Phải thu khác	7,539,194,821	6,891,861,614
Công ty Cổ phần Anbio	3,688,580,821	3,434,671,231
AnKor Bioplastics	3,260,958,327	3,260,958,327
An Thanh Bicsol Singapore PTE.,Ltd	150,564,165	-
Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và Chế tạo khuôn mẫu Việt Nam	101,021,919	41,597,261
Công ty TNHH An Trung Industries	209,850,411	154,634,795
Công ty Cổ phần VLXD công nghệ cao An Cường	128,219,178	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

6. CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Số dư với các bên liên quan (Tiếp Theo)

	31/03/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn, dài hạn	25,800,000,000	74,175,000,000
Công ty Cổ phần Anbio	13,800,000,000	59,750,000,000
Công ty TNHH An Trung Industries	-	11,425,000,000
Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và Chế tạo khuôn mẫu Việt Nam	12,000,000,000	3,000,000,000
Phải trả cho người bán	428,269,382	39,482,629
Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh	321,756,980	-
An Phat International, Inc.	66,330,573	-
Công ty Cổ phần Anbio	40,181,829	39,482,629

Người lập

Hồ Thị Hòe

Kế toán trưởng

Hồ Thị Hòe

Hải Dương, ngày 28 tháng 04 năm 2022

Phó Tổng Giám đốc

Phạm Đỗ Huy Cường